

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-01-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Đức Kiên

Bà Lê Thị Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 393/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/7/2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5959/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tuyết V, sinh năm 1970

Địa chỉ: đường M, khu phố X, phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Xau V, sinh năm 1958

Quốc tịch: Hoa Kỳ.

Địa chỉ: USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và Bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Xau V đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2017 do Ủy ban nhân dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Sau khi kết hôn, bà và ông Nguyễn Xau V chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì ông Nguyễn Xau V trở về Hoa Kỳ sinh sống. Vì công việc hai người không có thời gian dành cho nhau, cũng vì khoảng cách địa lý vợ chồng ít liên lạc với nhau, do vậy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Xau V.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Xau V trình bày:

Ông đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị Tuyết V vì hai bên sống xa cách, tình cảm không còn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Thị Tuyết V và ông Nguyễn Xau V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà V và ông Nguyễn Xau V.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị Tuyết V và ông Nguyễn Xau V tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2017 do Ủy ban nhân dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nay cả hai không còn quan tâm đến nhau. Nay bà Phạm Thị Tuyết V xác nhận không còn tình cảm với ông Nguyễn Xau V nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, về phía ông V cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà V. Điều này cho thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà V xin ly hôn ông V là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí:

Bà Phạm Thị Tuyết V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Tuyết V và ông Nguyễn Xau V

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Tuyết V chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0024009 ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- UBND Quận 12, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Trang